

# MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÔN NGỮ VÀ ISLAM Ở CỘNG ĐỒNG MALAY ĐÔNG NAM Á

THE RELATIONSHIP BETWEEN LANGUAGE AND ISLAM IN THE SOUTHEAST ASIAN MALAY COMMUNITY

Mai Ngọc Chử<sup>1,\*</sup>

DOI: <http://doi.org/10.57001/huiv5804.2025.052>

## TÓM TẮT

Người Malay (Melayu) ở Đông Nam Á theo Islam (đạo Hồi). Islam ra đời ở Trung Đông nhưng phát triển mạnh ở Đông Nam Á. Trong sự phát triển của Islam ở Đông Nam Á có sự hỗ trợ đặc biệt của tiếng Malay. Tiếng Malay, ngoài chức năng là phương tiện giao tiếp của cộng đồng Malay, đã trở thành công cụ hữu hiệu tuyên truyền, phổ biến Islam ở Đông Nam Á, làm cho nơi đây trở thành khu vực có số người theo Islam (Muslim) lớn nhất thế giới. Ngược lại, Islam mở rộng ảnh hưởng của tiếng Malay và góp phần làm giàu vốn từ Malay. Bài báo này bàn về mối quan hệ giữa tiếng Malay và Islam ở Đông Nam Á, góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá vốn đã và đang được nhiều nhà ngôn ngữ học và văn hoá học quan tâm.

**Từ khoá:** Ngôn ngữ, văn hoá, tôn giáo, Malay, Islam, mối quan hệ ngôn ngữ - văn hoá.

## ABSTRACT

The Malays in Southeast Asia follow Islam. Islam originated in the Middle East but developed strongly in Southeast Asia. The development of Islam in Southeast Asia has received special support from the Malay language. In addition to its function as a means of communication for the Malay community, the Malay language has become an effective tool for propagating and popularizing Islam in Southeast Asia, making this region possess the largest number of Muslims in the world. In contrast, Islam has expanded the influence of the Malay language and contributed to the enrichment of Malay vocabulary. This article discusses the relationship between the Malay language and Islam in Southeast Asia, contributing to clarifying the relationship between language and culture that has been of interest to many linguists and culturalists.

**Keywords:** Language, culture, religion, Malay, Islam, language - culture relationship.

<sup>1</sup>Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

\*Email: maingocchu@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/11/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 18/02/2025

Ngày chấp nhận đăng: 27/02/2025

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và Islam được đặt ra ở đây thực chất là mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá. Ngôn ngữ vừa là một thành tố của văn hoá vừa là phương tiện, nếu không nói là phương tiện quan trọng nhất, ghi lại văn hoá tộc người. Văn hoá, theo nghĩa rộng, bao gồm nhiều thành tố, trong đó có ngôn ngữ và tôn giáo. Islam là một tôn giáo lớn ở Đông Nam Á. Trên thế giới, cộng đồng người theo Islam, tức Muslim, lớn nhất là ở Đông Nam Á, lớn hơn cả cộng đồng Muslim ở thế giới Ả-rập, quê hương của Islam. Một câu hỏi được đặt ra là tại sao Islam lại có sức lan rộng và phát triển mạnh ở Đông Nam Á? Trả lời câu hỏi này cần có sự "vào cuộc" của các nhà sử học, tôn giáo học, văn hoá học, dân tộc học, nhân học và ngôn ngữ học. Bài viết tiếp cận vấn đề chủ yếu từ các bình diện ngôn ngữ, văn hoá, lịch sử, tộc người nhằm góp phần làm sáng tỏ vấn đề đang xét và góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tôn giáo ở cộng đồng Malay Đông Nam Á.

## 2. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đứng trước vấn đề phức tạp trên đây, không còn cách nào khác hiệu quả hơn, chúng tôi đã chọn *cách tiếp cận liên ngành* vốn là cách tiếp cận điển hình của Khu vực học. Islam là tôn giáo lớn, bao phủ nhiều quốc gia khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là Đông Nam Á hải đảo. Quá trình phát triển của Islam ở khu vực này gắn liền với tộc người Malay (Melayu) và văn hoá Malay. Vì vậy chúng tôi triển khai nghiên cứu vấn đề theo *cách tiếp cận liên ngành ngôn ngữ - văn hoá*.

Trong quá trình xem xét, nghiên cứu, chúng tôi tiến hành *phỏng vấn sâu* các nhà sử học, văn hoá học và ngôn ngữ học Malaysia, Indonesia, Brunei về vai trò của tiếng Malay và của Islam trong lịch sử và hiện tại. Những ý kiến cá nhân của họ đã góp phần quan trọng trong nghiên cứu của chúng tôi.

Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng phương pháp thu thập, phân tích và tổng hợp các tài liệu, tư liệu từ các chuyến điều tra (Linguistic survey) và từ sách vở bằng tiếng Anh và tiếng Malay.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Malay là cộng đồng người thuộc loại lớn ở Đông Nam Á. Người Malay cư trú ở Malaysia, Brunei, Indonesia, Philippines, Singapore và Thái Lan. Khác với các tộc người khác ở Đông Nam Á, từ khoảng thế kỉ XIII - XIV, 100% người Malay theo Islam. Có thể nói, từ đó, *Islam là linh hồn của văn hoá Malay*. Một điểm đặc biệt nữa là Islam có quan hệ cực kì mật thiết với tiếng Malay trong quá trình thâm nhập vào Đông Nam Á, “bén rễ” và phát triển mạnh ở Đông Nam Á. Theo sự hiểu biết của chúng tôi, ở Đông Nam Á, ít thấy một tộc người nào mà ngôn ngữ và tôn giáo lại gắn bó mật thiết với nhau đến như vậy. *Islam và tiếng Malay hỗ trợ nhau để cùng phát triển*.

#### 3.1. Tiếng Malay “mang” Islam đến và làm cho tôn giáo này phát triển mạnh ở Đông Nam Á

Trở lại lịch sử Đông Nam Á, vào thế kỉ XIV - XV, khu vực Đông Nam Á trên đà phát triển mạnh, mà tiêu biểu nhất là nhà nước Melaka. Melaka trở thành trung tâm văn hoá, thương mại sầm uất bậc nhất của khu vực. Melaka là điểm dừng chân, nơi án ngữ tuyến đường chính trong thông thương hàng hoá từ phương Tây sang Viễn Đông. Các thương nhân từ Ả Rập, Ấn Độ, Trung Quốc, phương Tây... đều tụ họp về đây. Khi đó những người có nguồn gốc chủng tộc khác nhau cần một phương tiện giao tiếp trung gian cho công việc buôn bán của mình. Lúc đó, ngôn ngữ duy nhất đáp ứng được đòi hỏi ấy chính là tiếng Malay của tộc người Malay ở Melaka. Tiếng Malay, từ đó, trở thành ngôn ngữ chính thống của Vương quốc Melaka. Từ Melaka, về sau, cộng đồng người Malay phân bố lan rộng ra khắp Đông Nam Á hải đảo, ở 6 quốc gia bây giờ: Singapore, Brunei, Malaysia, Indonesia, Philippines và Thái Lan [1-3]. Và tiếng Malay, “theo chân” người Malay, trở nên phổ biến khắp Đông Nam Á. Ở Đông Nam Á, không có ngôn ngữ nào có độ bao phủ và số lượng người nói lớn như tiếng Malay [4].

Melaka không chỉ là trung tâm thương mại mà còn là trung tâm văn hoá số một của Đông Nam Á thế kỉ XIV - XV. Đó là lí do để Islam tìm đến Quốc vương này. Đến Melaka, Islam cần có một ngôn ngữ để truyền đạt tới mọi người. Không có sự lựa chọn nào tốt hơn là dùng tiếng Malay. Do vậy, ngoài chức năng là phương tiện giao tiếp của cộng đồng Malay, *tiếng Malay trở thành công cụ tuyên truyền, phổ biến Islam ở Đông Nam Á*. Sức mạnh của tiếng Malay đạt đến mức không chỉ người Malay mà cả những

tộc người phi Malay nhưng nói được tiếng Malay cũng tự nguyện đi theo Islam. Số lượng người đi theo Islam (tức Muslim), do vậy, tăng lên đáng kể. Ngày nay số lượng Muslim ở Đông Nam Á đông nhất thế giới, vượt số lượng Muslim ở khu vực Tây Á và Bắc Phi - quê hương của Islam. Islam có được “thành tựu” này, không thể không kể đến đóng góp của tiếng Malay. Và việc lựa chọn tiếng Malay để làm lan toả Islam ra khắp Đông Nam Á là một quyết định cực kì sáng suốt và chuẩn xác của các nhà truyền giáo Islam. Trong số các quốc gia Đông Nam Á, Indonesia là nước điển hình về việc phát triển Islam nhờ tiếng Malay. Ở quốc gia này, cộng đồng người Malay chỉ chiếm 6% dân số nhưng nhờ biết tiếng Malay đã có tới 244 triệu người Indonesia (87% dân số) theo Islam [5]. Rõ ràng tiếng Malay đã “chấp cánh” cho Islam bay cao, bay xa khắp bầu trời Đông Nam Á.

#### 3.2. Islam mở rộng ảnh hưởng của tiếng Malay và góp phần làm giàu vốn từ Malay

Như đã nói ở trên, tiếng Malay góp phần tích cực đưa Islam đến với Đông Nam Á và mở rộng phạm vi của Islam trong khu vực. Việc đưa Islam đến các vùng đất mới cũng đồng thời mở rộng ảnh hưởng của tiếng Malay. Nhiều tộc người phi Malay ở Đông Nam Á theo Islam đã học tiếng Malay để thuận lợi cho việc hành đạo. Và thế là *tiếng Malay từ chỗ chỉ là tiếng nói và phương tiện giao tiếp của tộc người Malay đã trở thành phương tiện giao tiếp chung của cộng đồng Muslim ở Đông Nam Á*. Đây là biểu hiện rõ nhất về mối quan hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ và tôn giáo ở Đông Nam Á. Nhân đây cũng cần nói thêm rằng *việc tiếng Malay từ ngôn ngữ giao tiếp chuyển sang ngôn ngữ văn học chính là nhờ Islam*. Islam giữ vai trò chủ đạo trong việc tạo ra dòng văn học Islam Đông Nam Á. Như vậy Islam đã đem lại cho tiếng Malay uy tín về văn hoá. Và nền văn hoá Islam trải qua nhiều thế kỉ đã gắn kết các tộc người trong thế giới Malay với nhau. Mối liên hệ văn hoá này đã làm cho người dân ở đây cảm thấy tiếng Malay như là ngôn ngữ của chính mình [3, 6].

Sức sống mãnh liệt và độ lan toả rõ nhất của tiếng Malay là ở Indonesia - quốc gia có số lượng Muslim lớn nhất thế giới. Indonesia, như mọi người đều biết, là quốc gia có 6000 hòn đảo có người sinh sống [7], với 500 tộc người khác nhau [7]. Việc chọn ngôn ngữ nào làm ngôn ngữ quốc gia không dễ dàng như tiếng Lào ở Lào, tiếng Thái ở Thái Lan, tiếng Việt ở Việt Nam, tiếng Tagalog ở Philippines, tiếng Malay ở Malaysia và Brunei bởi đó là những ngôn ngữ của những tộc người lớn nhất đất nước. Với Indonesia, chính phủ nước này đã chọn một phương án, theo chúng tôi, là cực kì chuẩn xác, bởi nó hợp lòng

dân. Đó là lấy tiếng Malay làm ngôn ngữ quốc gia, mặc dù tộc người Malay ở quốc gia này chỉ chiếm khoảng 6% dân số. Chính con số 87% người dân Indonesia theo Islam qua tiếng Malay là chỗ dựa chắc chắn nhất để Chính phủ Indonesia chọn tiếng Malay làm ngôn ngữ quốc gia. Đối với cộng đồng Muslim Indonesia, đây là sự lựa chọn của đức Thánh Allah! Vậy là Islam đã đưa tiếng Malay đến mọi nơi. Islam đã chấp cánh cho tiếng Malay bay cao, bay xa. Hiện nay tiếng Malay đã trở thành ngôn ngữ quốc gia của bốn nước Đông Nam Á hải đảo: Brunei, Malaysia, Indonesia và Singapore.

“Chuyên chở” Islam, diễn đạt kinh Coran, tiếng Malay có cơ hội làm phong phú bản thân mình. Nhờ Islam, tiếng Malay được bổ sung thêm một số lượng khá lớn các từ Ả-rập. Theo thống kê của chúng tôi, chỉ riêng vần A trong Từ điển Indonesia đã có tới 89 từ mượn từ tiếng Ả-rập. Một số ví dụ:

Abdas	tắm rửa (trước khi cầu nguyện)
Abid	bất diệt
Abu	cha, bố
Abyad	trắng, sáng sủa
Adalat	chính nghĩa, sự công bằng
Adib	lịch sự, có văn hoá, có giáo dục
Afrit	ma quỷ, yêu quái
Af'al	hành động, cử chỉ, tư cách
Aflat	sức khoẻ
Ahad	một
Ahadiat	sự thống nhất
Ahkam	luật
Ahlulbait	toàn thể thành viên trong gia đình
Ahlulkitab	những người đã chết
Ahlulsuluk	người thông thái
Ahlunujum	nhà tiên tri, nhà chiêm tinh
Ain	nguồn gốc, ngọn nguồn
Ajab	ngạc nhiên, sững sốt
Akaid	giáo điều
Akas	ngược lại, đối lập
Akbar	vĩ đại, to lớn
Akhbar	tin tức
Akhtaj	quốc tịch
Akhwan	các anh, các đồng chí
Akidah	lòng tin, niềm tin
Akil	thông minh

Akmal	hoàn hảo
Aksa	xa xôi, hẻo lánh
Ala	theo, trong
Alam	thông suốt
Alimiat	thời kì văn minh sau Mohamad

Nhờ sự phổ biến rộng ở Đông Nam Á, từ vai trò lớn trong Islam và nhờ Islam, tiếng Malay ngày càng có ưu thế trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội các quốc gia Đông Nam Á. Đặc biệt, tiếng Malay có vai trò lớn trong giáo dục. Ai cũng biết rằng một ngôn ngữ muốn phổ biến, phát triển thì không chỉ dừng lại ở việc giao tiếp. Hiệu quả của việc làm phổ biến sâu rộng một ngôn ngữ phụ thuộc rất nhiều vào việc đưa nó vào giảng dạy trong nhà trường đến mức nào. Có thể nói, giáo dục là lĩnh vực quan trọng nhất, vì việc quyết định dạy thứ tiếng nào và dạy như thế nào sẽ đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của thứ tiếng đó [2]. Qua trường học chính là cách tuyên truyền hiệu quả nhất cho ngôn ngữ. Chỉ có thông qua môi trường giáo dục thì ngôn ngữ mới được phổ biến, có sức sống, mới thực sự trở thành phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Nhận thức rõ điều đó, đồng thời với việc công nhận tiếng Malay là ngôn ngữ quốc gia, chính phủ Malaysia, Brunei, Singapore và Indonesia đã có nhiều cố gắng trong việc đưa ngôn ngữ này vào hệ thống giáo dục. Và như vậy là trường học và Thánh đường Islam đã góp phần tích cực và rất có hiệu quả vào việc phát triển tiếng Malay.

Ngày nay, để phù hợp với sự phát triển hiện đại, ngoài việc duy trì và phát triển tiếng Malay, các quốc gia Đông Nam Á hải đảo cũng tăng cường giáo dục bằng tiếng Anh. Malaysia và Singapore có thể coi là những tấm gương điển hình về việc này. Tuy nhiên cần nhấn mạnh rằng việc chú trọng đến tiếng Anh không hề làm suy yếu tiếng Malay. Đây là sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa giáo dục Islam và giáo dục Anh quốc.

#### 4. KẾT LUẬN

Mối quan hệ giữa tiếng Malay và Islam là một minh chứng cho mối quan hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ và tôn giáo nói riêng, giữa ngôn ngữ và văn hoá nói chung. Trong lịch sử phát triển, tiếng Malay và Islam luôn nâng đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển. Tiếng Malay “chấp cánh” cho Islam lan toả khắp khu vực Đông Nam Á. Islam, bằng sức mạnh tôn giáo của mình, cũng tạo ra sức ảnh hưởng lớn cho tiếng Malay và góp phần làm phong phú thêm sự giàu có cho tiếng Malay. Có thể nói, sự lan truyền, phổ biến của Islam ở Đông Nam Á đi liền với sự hoàn thiện, phát triển của tiếng Malay ở khu vực này.

---

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Asmah Hj Omar, *The encyclopedia of Malaysia: Languages & Literature*. Archipelago Press, 2004.
- [2]. Mai Ngọc Chừ, *Văn hoá và Ngôn ngữ Phương Đông*. NXB Phương Đông, 2009.
- [3]. Lê Minh Hà, *Đổi sách chính sách ngôn ngữ đối với tiếng Melayu ở một số quốc gia Đông Nam Á*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học và Xã hội, 2011.
- [4]. Mai Ngọc Chừ, *Cộng đồng Melayu - Những vấn đề ngôn ngữ*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
- [5]. Wikipedia, *Islam in Indonesia*, 2024.
- [6]. Ismail Hussein, *Sejarah Pretumbuhan Bahasa Kebangsaan Kita*. Dewan Bahasa dan Pustaka, Kuala Lumpur, 1992.
- [7]. Trịnh Huy Hoá, *Đổi thoại với các nền văn hoá - Indonesia*. NXB Trẻ, 2001.

---

**AUTHOR INFORMATION****Mai Ngọc Chu**

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi, Vietnam